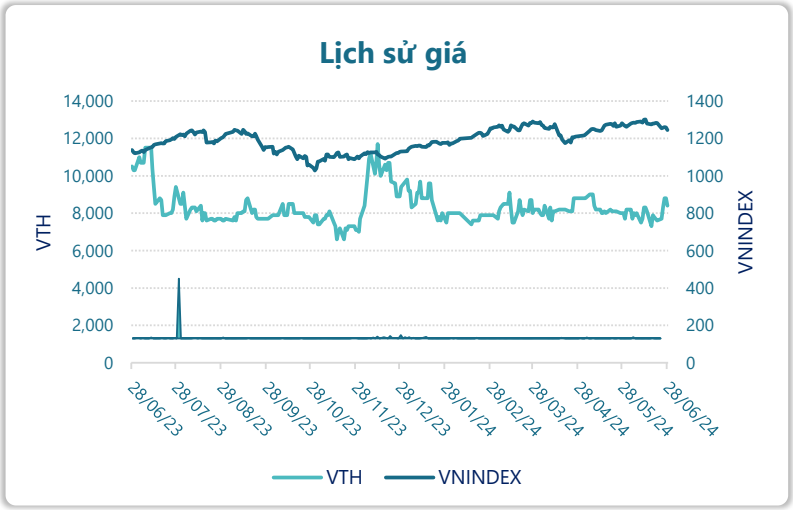
FireAnt

CTCP Dây cáp điện Việt Thái (HNX: VTH)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
SL cổ phiếu LH	7,899,989
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,555
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	66
P/E	7.0
EPS	1,198

DT thuần

Q2/24

134

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 46.8| 53.7%

YoY: ▲ 21.0| 18.6%

LN sau thuế

Q2/24

2.11

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.35| 177%

YoY: ▲ 0.54| 34.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

4.5%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

6T 2024

221

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.0| 20.3%

LN sau thuế

6T 2024

2.87

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.11| -3.8%

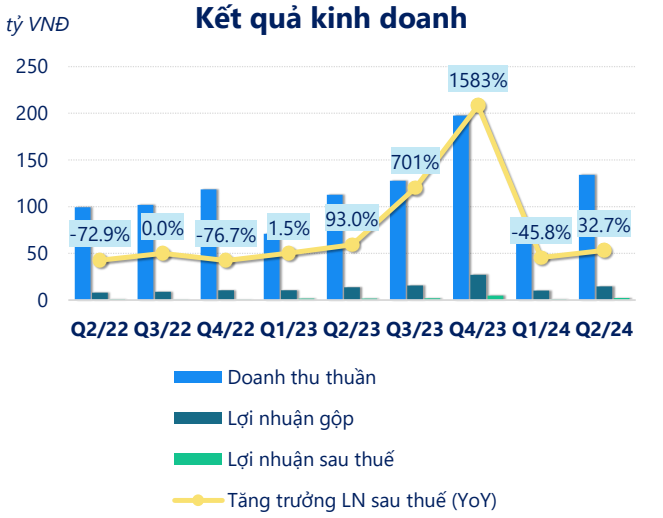
ROE

Q2/24

10.5%

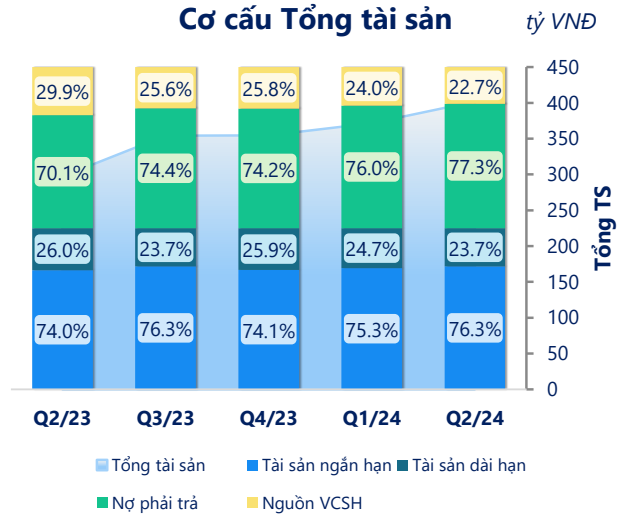
+/- YoY: ▲ 6.5%

Kết quả kinh doanh



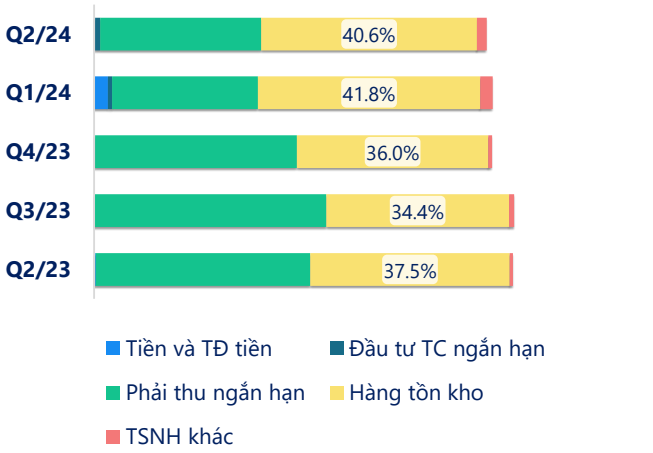
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



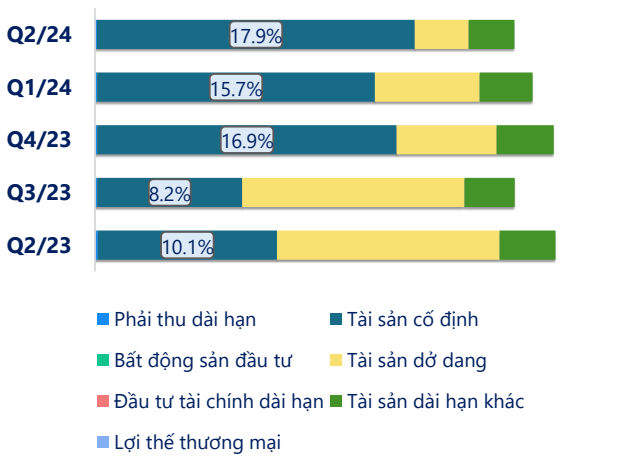
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



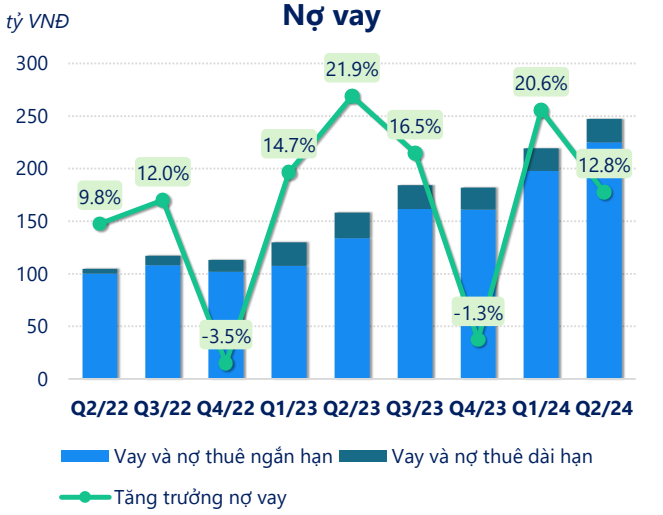
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



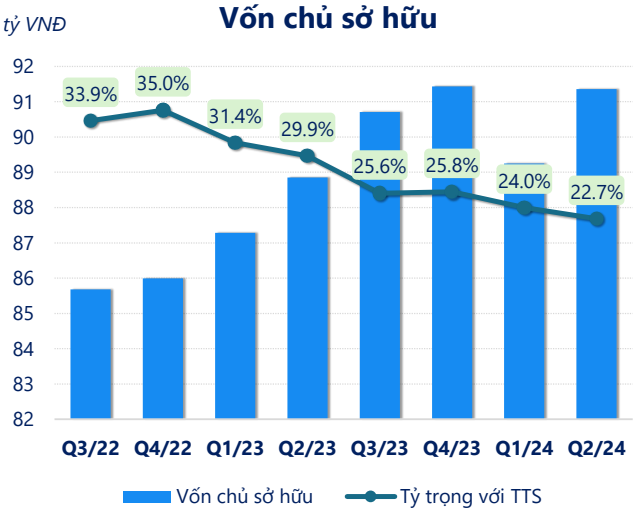
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



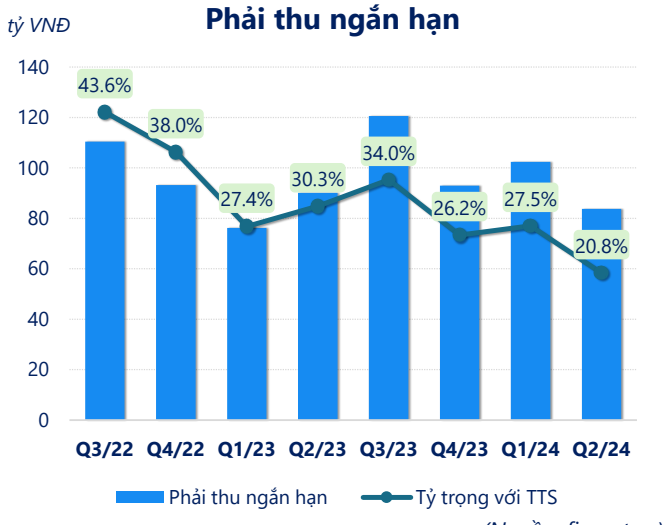
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



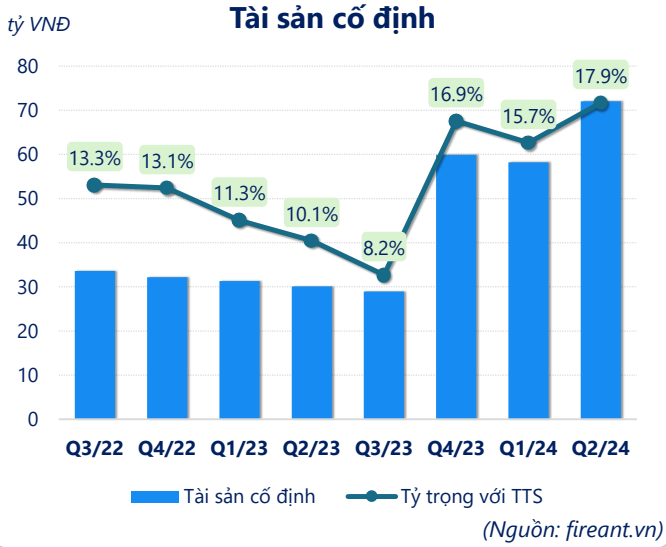
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



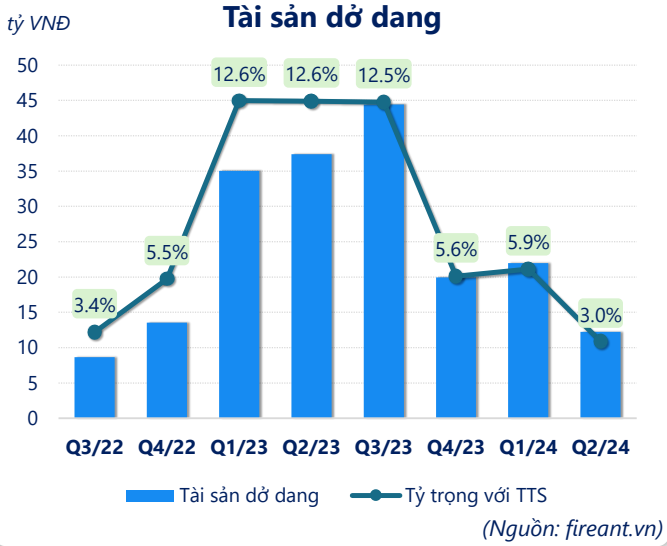
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



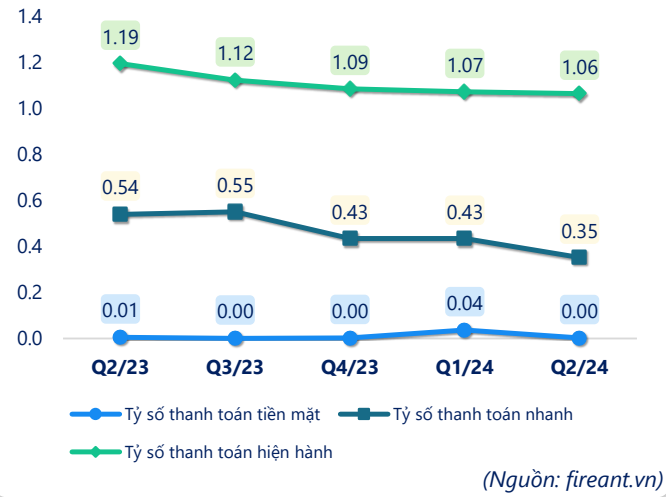
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



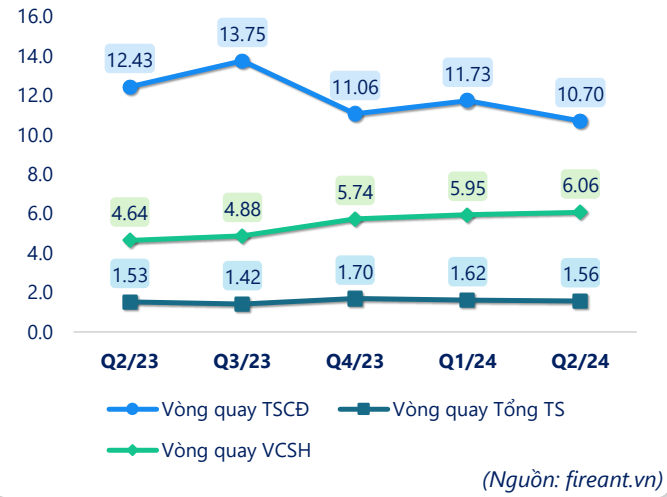
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**297**	**354**	**354**	**372**	**402**
Tài sản ngắn hạn	**220**	**270**	**263**	**280**	**307**
Tiền và tương đương tiền	0.93	0.12	0.73	9.60	0.70
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.84	4.30	10.2	0	13.0
Phải thu ngắn hạn	90.1	121	93.0	102	83.7
Hàng tồn kho	121	138	158	167	205
Tài sản ngắn hạn khác	5.52	7.61	1.38	1.38	4.05
Tài sản dài hạn	**77.3**	**83.9**	**91.7**	**91.8**	**95.1**
Phải thu dài hạn	0.47	0.47	0.47	0.47	0.47
Tài sản cố định	30.1	29.0	59.9	58.2	72.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	37.4	44.4	20.0	22.0	12.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.36	10.1	11.4	11.1	10.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**209**	**264**	**263**	**282**	**311**
Nợ ngắn hạn	**184**	**241**	**242**	**261**	**288**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	134	162	161	198	225
Phải trả người bán ngắn hạn	24.5	55.6	61.7	36.5	40.9
Nợ dài hạn	24.3	22.7	21.1	21.4	22.3
Vay và nợ thuê dài hạn	24.3	22.7	21.1	21.4	22.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**88.9**	**90.7**	**91.4**	**89.3**	**91.4**
Vốn chủ sở hữu	**88.9**	**90.7**	**91.4**	**89.3**	**91.4**
Vốn điều lệ	79.0	79.0	79.0	79.0	79.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)